**TRƯỜNG THPT Phan Đăng Lưu**

 **TỔ ĐỊA LÍ**

 **NỘI DUNG ÔN THI GIỮA HỌC KÌ I**

 **MÔN ĐỊA LÍ KHỐI 12 NĂM HỌC 2021 – 2022**

**LƯU Ý: - Kiến thức trong bài 6,7,8,9**

* **Học sinh học bài và trả lời các câu trắc nghiệm sau đây.**

 **bài 6: đất nước nhiều đồi núi**

**Câu 1:** Trong diện tích lãnh thổ của nước ta, địa hình đồi núi chiếm

A. 1/4. B. 3/4. C. 4/5 D. 5/6

**Câu 2**:Trong diện tích cả nước, địa hình đồng bằng và đồi núi thấp chiếm

A. 65%. B. 75%. C. 85%. D. 95%

**Câu 3:** Trong diện tích cả nước, địa hình núi cao (trên 2000m), chiếm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1% | B. 2% | C. 3% | D. 4% |

**Câu 4:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với cấu trúc địa hình Việt Nam?

|  |
| --- |
|  A. Cấu trúc cổ được vận động Tân kiến tạo làm trẻ  |
|  B. Có sự phân bậc theo độ cao C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam D. Địa hình núi cao chiếm diện tích lớn |

**Câu 5:** Địa hình nước ta có hai hướng chính là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Bắc – Tây Nam và vòng cung | B. Đông Nam – Tây Bắc và vòng cung |
| C. Tây Bắc – Đông Nam và vòng cung | D. Tây Nam – Đông Bắc và vòng cung |

**Câu 6:** Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đông Bắc | B. Ven rìa đồng bằng sông Hồng |
| C. Phía tây Đồng bằng duyên hải miền Trung | D. Đông Nam Bộ |

**Câu 7:** Hướng vòng cung là hướng chính của

A.Dãy Hoàng Liên sơn. B.Vùng núi Đông Bắc

C.Khối núi cực Nam Trung Bộ. D. Dãy Trường Sơn Bắc

**Câu 8:** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ rõ rệt địa hình núi Việt Nam đa dạng?

A. Miền núi có các cao nguyên ba dan xếp tầng và cao nguyên đá vôi.

B. Miền núi có núi cao,núi trung bình,núi thấp,cao nguyên,sơn nguyên...

C. Bên cạnh các dãy núi cao, đồ sộ, ở miền núi có nhiều núi thấp.

D. Bên cạnh núi,miền núi còn có đồi

**Câu 9:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình Việt Nam?

A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.

C. Địa hình của vùng nhiệt đới khô hạn

D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

**Câu 10:** Nước ta có 4 vùng núi là:

A. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam.

B. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, vùng bán bình nguyên.

C. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Nam, vùng đồi trung du.

D. Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, vùng đồi trung du.

**Câu 11**: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là

A. Địa hình đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

B. Có địa hình cao nhất nước ta.

C. Có 3 mạch núi lớn hướng Tây Bắc– Đông Nam.

D. Gồm các dãy núi liền kề với các cao nguyên.

**Câu 12:** Điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

A. Nằm ở phía tây của thung lũng sông Hồng.

B. Có 4 cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

C. Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

D. Ở trung tâm là vùng đồi núi thấp.

**Câu 13:** Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Gồm các khối núi và cao nguyên. | B. Có bốn cánh cung lớn. |
| C. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta. | D. Địa hình thấp và hẹp ngang. |

**Câu 14:** Điểm nào sau đây **không** đúng với địa hình vùng núi Tây Bắc?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Nằm giữa sông Hồng và sông Cả. | B. Núi cao nhất nước ta. |
| C. Có ba dải địa hình hướng tây bắc – đông nam. | D. Có các cao nguyên badan. |

**Câu 15:** Ba dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam ở Tây Bắc là

A. Hoàng Liên Sơn, núi dọc biên giới Việt – Lào, các sơn nguyên và cao nguyên.

B. Hoàng Liên Sơn, Phan – xi –păng, núi dọc biên giới Việt – Lào.

C. Núi dọc biên giới Việt – Lào, Phan – xi –păng, các sơn nguyên và cao nguyên.

D. Các sơn nguyên và cao nguyên, Hoàng Liên Sơn, Phan – xi –păng.

**Câu 16:** Địa hình núi cao nhất Tây Bắc nằm ở

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hoàng Liên Sơn  | B. Biên giới Việt – Lào | C. Biên giới Việt – Trung | D. Các sơn nguyên đá vôi |

**Câu 17:** Điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Bắc?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Ở từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã | B. Ở giữa nhô cao, hai đầu hạ thấp |
| C. Hướng tây bắc – đông nam | D. Thấp và hẹp ngang |

**Câu 18:** Trường Sơn Nam gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Các khối núi và cao nguyên | B. Các khối núi và sơn nguyên |
| C. Các khối núi và bán bình nguyên | D. Các khối núi và bán bình nguyên xen đồi. |

**Câu 19:** Điểm nào sau đây **không** đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Sườn phía đông dốc, sườn phía tây thoải | B. Khối núi ở hai đầu nâng cao, đồ sộ. |
| C. Có các cao nguyên badan tương đối bằng phẳng | D. Địa hình không có sự phân bậc |

**Câu 20:** Điểm giống nhau chủ yếu nhất giữa địa hình bán bình nguyên và đồi TD là

A. Được hình thành do tác động của dòng chảy chia cắt các thềm phù sa cổ.

B. Có cả đất phù sa cổ lẫn đất ba dan.

C. Được nâng lên yếu trong vận động Tân Kiến Tạo.

D. Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và Đồng bằng.

**Câu 21:** Địa hình thấp và hẹp ngang,nâng cao ở hai đầu là đặc điểm của vùng núi

A.Tây Bắc. B. Đông Bắc

C. Trường Sơn Nam. D.Trường Sơn Bắc

**Câu 22:**Ranh giới của vùng núi Trường Sơn Bắc với vùng núi Trường Sơn Nam là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Dãy Hoành Sơn | B. Dãy Bạch Mã |  C. Khối núi Kon Tum | D. Đỉnh núi Ngọc Lĩnh |

**Câu 23:** Kiểu địa hình nào sau đây **không** phổ biến ở vùng núi Tây Bắc?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Cao nguyên badan | B. Sơn nguyên đá vôi | C .Núi cao | D. Đồng bằng giữa núi |

**Câu 24:** Vùng núi cao nhất nước ta là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đông Bắc | B. Tây Bắc | C. Trường Sơn Bắc. | D. Trường Sơn Nam |

**Câu 25:** Vùng núi gồm các dãy núi song song và so le hướng Tây Bắc–Đông Nam là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trường SơnNam | B. Trường Sơn Bắc. | C. C. Tây Bắc | D. ĐôngBắc |

**Câu 26:** Vùng núi nổi bật với 4 cánh cung lớn (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Tây Bắc | B. Trường Sơn Bắc. |  C. Đông Bắc | D. Trường Sơn Nam. |

**Câu 27:** Vùng núi có các thung lũng lớn cùng hướng tây bắc – đông nam điển hình là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đông Bắc | B. Trường Sơn Nam |  C. Tây Bắc. | D. Trường Sơn Bắc |

**Câu 28:** Dải đồi trung du rộng nhất nước ta nằm ở phía bắc và phía tây của:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng bằng duyên hải miền Trung | B. Đồng bằng sông Hồng |
| C. Đồng bằng sông Cửu Long | D. Các đồng bằng giữa núi |

**Câu 29:** Nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng là:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Sơn nguyên. | B. Bán bình nguyên |  C. Cao nguyên | D. Núi thấp |

 **bài 7: đất nước nhiều đồi núi (tiếp theo)**

**Câu 1:** So với diện tích lãnh thổ, đồng bằng nước ta chiếm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1/2. | B. 1/3. |  C. 1/4. | D. 1/5. |

**Câu 2:** Đồng bằng nước ta được chia thành 2 loại

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng bằng châu thổ sông và đb ven biển. | B. Đồng bằng châu thổ sông và đồng bằng giữa núi. |
| C. Đồng bằng ven biển và đồng bằng giữa núi. | D. Đồng bằng thấp và đồng bằng cao. |

**Câu 3:** Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta gồm

A. Đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ và Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ và Đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 4:** Điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

A. Được phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp nên.

B. Rộng 40 nghìn km2.

C. Đã được con người khai phá lâu đời và làm biến đổi mạnh.

D. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ chia cắt đồng bằng thành từng ô.

**Câu 5:** Địa hình đồng bằng sông Hồng

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thấp trũng ở phía tây, cao ở phía đông. | B. Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển. |
| C. Cao ở phía tây, nhiều ô trũng ở phía đông. | D. Cao ở tây bắc và tây nam, thấp trũng ở phía đông. |

**Câu 6:** Điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Cửu Long?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Được hệ thống sông Cửu Long bồi đắp phù sa. |  B. Rộng 15 nghìn km2. |
| C. Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. |  D. Địa hình thấp và phẳng. |

**Câu 7:** Đồng bằng sông Cửu Long

|  |  |
| --- | --- |
| A. bị ngập trên diện rộng về mùa lũ. | B. có hệ thống đê điều chằng chịt. |
| C. rất ít đất phèn và đất mặn. | D. địa hình cao. |

**Câu 8:** Điểm giống nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long là:

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đều đồng bằng phù sa châu thổ sông . | B. Đều có 2/3 diện tích đất phèn và đất mặn |
| C. Đều có hệ thống đê ven sông ngăn lũ. | D. Đều có hệ thống sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. |

**Câu 9:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với đồng bằng sông Hồng?

A. Là đồng bằng phù sa của hai hệ thống sông Hồng –Thái Bình.

B. Bị chia cắt ra thành nhiều đồng bằng nhỏ.

C. Đã được khai phá từ lâu.

D. Chịu tác động biến đổi của con người.

**Câu 10:** Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

A. Phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

B. Biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành đồng bằng.

C. Đất có đặc tính nhiều cát, ít phù sa.

D. Tổng diện tích đến 30.000 km2.

**Câu 11:** Tổng diện tích của dải đồng bằng ven biển miền Trung là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5.000 km2. | B.10.000 km2. | C. 15.000 km2. | D. 20.000 km2. |

**Câu 12:** Điểm nào sau đây **không** đúng với dải đồng bằng duyên hải miền Trung?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. | B. Đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông. |
| C. Từ tây sang đông thường có ba dải địa hình. | D. Đồng bằng có diện tích lớn, mở rộng về phía biển. |

**Câu 13:** Đồng bằng có diện tích lớn nhất là

|  |  |
| --- | --- |
| A. đồng bằng sông Hồng. | B. đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ. |
| C. đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ. | D. đồng bằng sông Cửu Long. |

**Câu 14:** Đồng bằng sông Hồng khác với đồng bằng sông Cửu Long ở điểm

|  |  |
| --- | --- |
| A.được hình thành ở vùng sụt lún ở hạ lưu sông. | B. có diện tích rộng. |
| C. có đê sông. | D. địa hình thấp. |

**Câu 15:** Vùng đất ngoài đê ở đồng bằng sông Hồng là nơi

|  |  |
| --- | --- |
| A. không được bồi phù sa hàng năm. | B. có nhiều ô trũng ngập nước. |
| C. có bậc ruộng cao bạc màu. | D. thường xuyên được bồi phù sa. |

**Câu 16:** Ở đồng bằng sông Cửu Long về mùa cạn, nước triều lấn mạnh làm gần 2/3 diện tích đồng bằng bị nhiễm mặn, là do

|  |  |
| --- | --- |
| A. địa hình thấp, phẳng. | B. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. |
| C. có nhiều vùng trũng rộng lớn. | D. biển bao bọc ba mặt đồng bằng. |

**Câu 17:** Dải đồng bằng ven biển miền Trung **không** phải

|  |  |
| --- | --- |
| A. hẹp ngang. | B. được hình thành do các sông bồi đắp. |
| C. bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ. | D. chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở cửa sông lớn. |

**Câu 18:** Nguyên nhân làm cho đất ở đồng bằng ven biển miền Trung có đặc tính nghèo, nhiều cát, ít phù sa, là

A. bị xói mòn, rửa trôi mạnh trong điều kiện mưa nhiều.

B. nằm ở chân núi, nhận nhiều sỏi, cát trôi xuống.

C. các sông miền Trung ngắn, hẹp và rất nghèo phù sa.

D. biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành đồng bằng.

**Câu 19:** Đặc điểm của đồng bằng sông Cửu Long là

|  |  |
| --- | --- |
| A. rộng 15.000 km2. | B. có mạng lưới kênh rạch chằng chịt. |
| C. bị chia cắt nhiều bởi các đê ven sông. | D. có các bậc ruộng cao bạc màu. |

**Câu 20:** Đồng bằng Phú Yên mở rộng ở cửa sông

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Trà Khúc. | B. Đà Rằng. |  C. Thu Bồn. | D. Cả. |

 |  |

**bài 8: thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển**

**Câu 1:** Biển Đông có diện tích

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1.447 triệu km2. | B.2.447 triệu km2. | .C 3.447 triệu km2. | D. 4.447 triệu km2. |

**Câu 2:** Điểm nào sau đây **không** đúng với biển Đông?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Là biển tương đối kín. | B. Phía bắc và phía tây là lục địa. |
| C. Phần đông và đông nam là vòng cung đảo. | D. Nằm trong vùng nhiệt đới khô. |

**Câu 3:** Biểu hiện nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng của Biển Đông đến khí hậu nước ta?

A. Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển. B. Giảm bớt tính khắc nghiệt của thời tiết trong mùa đông.

C. Góp phần làm điều hòa khí hậu. D. Tăng cường tính đa dạng của sinh vật nước ta.

**Câu 4:** Biển Đông làm cho khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương là nhờ vào

|  |  |
| --- | --- |
| A. biển rộng, nhiệt độ cao và biến động theo mùa. | B. biển rộng, nhiệt độ cao và có hải lưu. |
| C. biển rộng, nhiệt độ cao và chế độ triều phức tạp | .D. biển rộng, nhiệt độ cao và tương đối kín. |

**Câu 5:** Biểu hiện của tính đa dạng địa hình ven biển nước ta là

|  |  |
| --- | --- |
| A. có vịnh cửa sông và bờ biển mài mòn. | B. có đầm phá và các bãi cát phẳng. |
| C. có nhiều địa hình khác nhau | D. có các đảo ven bờ và quần đảo xa bờ. |

**Câu 6:** Dầu mỏ hiện đang được khai thác chủ yếu ở

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. thềm lục địa Bắc Bộ.C.thềm lục địa Nam Bộ.  |  B.đồng bằng sông Hồng. D. đồng bằng sông Cửu Long. |  |  |

**Câu 7:** Vịnh Hạ Long thuộc tỉnh (thành phố)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Hải Phòng. | B.Quảng Ninh. |  C. Thái Bình. | D. Nam Định. |

**Câu 8:** Vịnh Cam Ranh thuộc tỉnh (thành phố)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đà Nẵng. | B.Bình Định. |  C. Khánh Hòa. | D. Phú Yên. |

**Câu 9:** Vịnh Xuân Đài thuộc tỉnh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Quảng Nam. | B.Quảng Ngãi. |  C. Bình Định. | D. Phú Yên. |

**Câu 10:** Sự đa dạng và giàu có của hệ sinh thái vùng ven biển nước ta **không** bao gồm sự đa dạng và giàu có của

|  |  |
| --- | --- |
| A. hệ sinh thái rừng ngập mặn. | B. hệ sinh thái trên đất phèn. |
| C. hệ sinh thái rừng trên núi cao. | D. hệ sinh thái rừng trên các đảo. |

**Câu 11:** Điểm nào sau đây **không** đúng với hệ sinh thái rừng ngập mặn ở nước ta?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Có nhiều loài cây gỗ quý. | B. Cho năng suất sinh vật cao. |
| C. Giàu tài nguyên động vật. | D. Phân bố ở ven biển. |

**Câu 12:** Rừng ngập mặn ven biển ở nước ta phát triển mạnh nhất ở

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Bắc Bộ. | B.Nam Bộ. | C.Bắc Trung Bộ. | D. Nam Trung Bộ. |

**Câu 13:** Vùng có diện tích ngập mặn lớn nhất nước ta là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Đồng bằng sông Cửu Long. | B. Đồng bằng sông Hồng. |
| C. Bắc Trung Bộ. | D. Duyên hải Nam Trung Bộ. |

**Câu 14:** Khoáng sản có trữ lượng lớn và giá trị nhất của vùng biển nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. muối. | B.sa khoáng. | C.cát. | D. dầu khí. |

**Câu 15:** Dọc ven biển, nơi có nhiệt độ cao, nhiều nắng, có ít sông đổ ra biển, là nơi thuận lợi cho nghề

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. làm muối. | B.khai thác thủy hải sản. | C.nuôi trồng thủy sản. | D. chế biến thủy sản. |

**Câu 16:** Hai bể dầu khí lớn nhất hiện đang khai thác ở thềm lục địa nước ta là

|  |  |
| --- | --- |
| A. Cửu Long.Nam Côn Sơn. | B. Thổ Chu – Mã Lai, Cửu Long. |
| C. Sông Hồng, Cửu Long. | D. Nam Côn Sơn, Thổ Chu – Mã Lai. |

**Câu 17:** Điểm nào sau đây **không** đúng với sinh vật Biển Đông?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Giàu thành phần loài. | B. Năng suất sinh học cao. |
| C. Tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới. | D. Không phong phú về loài. |

**Câu 18:** Trong Biển Đông có trên

|  |  |
| --- | --- |
| A. 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm. | B. 2000 loài cá, hơn 200 loài tôm. |
| C. 100 loài cá, trên 2000 loài tôm. | D. 100 loài cá, trên 1000 loài tôm. |

**Câu 19:** Mỗi năm trung bình số cơn bão xuất hiện ở Biển Đông là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 8 – 9 cơn. | B.9 – 10 cơn. | C.10 – 11 cơn. | D. 11 – 12 cơn. |

**Câu 20:** Hằng năm, trung bình số cơn bão trực tiếp đổ bộ vào nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 – 2 cơn. | B.2 – 3 cơn. | C.3 – 4 cơn. | D. 4 – 5 cơn. |

**Câu 21:** Bão đổ bộ vào nước ta gây ra

|  |  |
| --- | --- |
| A. sóng lừng, mưa lớn, lũ lụt. | B. lũ lụt, mưa lớn, động đất. |
| C. động đất, sóng lừng, lũ quét. | D. lũ quét, mưa lớn, núi lửa. |

**Câu 22:** Loại thiên tai ít xảy ra ở vùng biển nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. bão. | B.động đất. | C.sạt lở bờ biển. | D. cát bay, cát chảy. |

**Câu 23:** Biển Đông nằm trong vùng nội chí tuyến, nên có đặc tính là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. độ mặn không lớn. | B.nóng ẩm. | CC.có nhiều dòng hải lu. | D. biển tương đối lớn. |

**Câu 24:** Biển Đông trước hết ảnh hưởng trực tiếp nhất đến thành phần tự nhiên nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Đất đai. | B.Khí hậu. | C.Sông ngòi. | D. Địa hình. |

**Câu 25:** Hiện tượng cát bay, cát chảy thường diễn ra phổ biến ở vùng biển

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. miền Bắc. | B.miền Trung. | C.Đông Nam Bộ. | D. Tây Nam Bộ. |

 **bài 9: thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa**

**Câu 1:** Hàng năm, lãnh thổ nước ta nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn do có

A. góc nhập xạ lớn và hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

B. góc nhập xạ lớn và thời gian chiếu sáng kéo dài.

C. góc nhập xạ lớn và kề Biển Đông rộng lớn.

D. góc nhập xạ lớn và hoạt động của gió mùa.

**Câu 2:** Tổng số giờ nắng tùy nơi ở nước ta đạt (giờ/năm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1400 - 3000. | B.1500 - 3000. | C.1600 - 3000. | D. 1700 - 3000. |

**Câu 3:** Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được biểu hiện ở

A. tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm.

B. hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt Trời lớn.

C. trong năm, Mặt Trời luôn đứng cao trên đường chân trời.

D. trong năm, Mặt Trời hai lần lên thiên đỉnh.

**Câu 4:** Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc (trừ các vùng núi cao) đều lớn hơn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 200C. | B.210C. | C.220C. | D. 230C. |

**Câu 5:** Lượng mưa trung bình năm ở nước ta khoảng (mm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1.800 – 2.000. | B.1.700 – 2.000. | C.1.600 – 2.000. | D. 1.500 – 2.000. |

**Câu 6:** Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến (mm)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1.500 – 2.500. | B.2.500– 3.000. | C.3.500 – 4.000. | D. 4.000 – 4.500. |

**Câu 7:** Độ ẩm không khí ở nước ta cao, trên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 60%. | B.70%. | C.80%. | D. 90%. |

**Câu 8:** Gió mùa hoạt động ở nước ta gồm

|  |  |
| --- | --- |
| A. gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ. | B. gió mùa mùa đông và Tín phong bán cầu Bắc. |
| C. gió mùa mùa hạ và Tín phong bán cầu Bắc. | D. gió mùa mùa hạ và Tín phong bán cầu Nam. |

**Câu 9:** Gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta gồm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. gió mùa Đông Bắc. | B. Tín phong bán cầu Bắc. | C.gió tây nam. | D. gió mùa Tây Nam. |

**Câu 10:** Gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta có nguồn gốc từ khối khí

|  |  |
| --- | --- |
| A. chí tuyến tây Thái Bình Dương. | B. chí tuyến bán cầu nam. |
| C. Bắc Ấn Độ Dương. | D. phía bắc lục địa Á - Âu. |

**Câu 11:** Tín phong thổi vào nước ta chỉ mạnh nhất vào thời kì

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. mùa hạ. | B.mùa đông. | C. chuyển tiếp giữa hai mùa. | D. đầu mỗi mùa hạ hoặc đông. |

**Câu 12:** Thời gian gió mùa mùa đông hoạt động ở nước ta từ tháng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. IX - IV. | B. X - IV. | C.XI - IV. | D. XII - IV. |

**Câu 13:** Thời gian gió mùa mùa hạ hoạt động ở nước ta từ tháng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. III - X. | B. IV -X. | C.V - X. | D. VI - X. |

**Câu 14:**Gió mùa Đông Bắc tác động ở miền Bắc nước ta đến giới hạn phía nam là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. dãy Tam Điệp. | B. dãy Hoàng Sơn. | C.dãy Bạch Mã. | D. khối núi Kon Tum. |

**Câu 15:**Tính chất của gió mùa Đông Bắc vào đầu mùa đông ở nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. lạnh khô. | B. lạnh ẩm. | C.khô hanh. | D. ẩm ướt. |

**Câu 16:** Tính chất của gió mùa Đông Bắc vào nửa sau mùa đông ở nước ta là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. khô hanh. | B. ấm áp. | C. lạnh ẩm. | D. lạnh khô. |

**Câu 17:**Gió mùa Tây nam khi thổi đến Bắc Bộ có hướng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. đông bắc. | B. đông nam. | C. tây bắc. | D. tây nam. |

**Câu 18:**Gió mùa Đông Bắc khi thổi vào nước ta vào nửa sau mùa đông gây nên mưa phùn do

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. đi qua biển. | B. gặp núi Trường Sơn. | C. gặp dãy Bạch Mã. | D. đi qua lục địa Trung Hoa. |

**Câu 19:**Mang lại cho miền Bắc nước ta thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông và lạnh ẩm vào cuối mùa đông là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. gió mùa Đông Bắc. | B. Tín phong bán cầu Bắc. | C. Tín phong bán cầu Nam. | D. gió Tây khô nóng. |

**Câu 20:**Nguyên nhân gây mưa phùn ở vùng ven biển và các đồng bằng ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. gió mùa Đông Bắc. | B. Tín phong bán cầu Bắc. | C. Tín phong bán cầu Nam. | D. gió Tây khô nóng. |

**Câu 21:** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc nước ta?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Chỉ hoạt động ở miền Bắc. | B. Thổi liên tục suốt mùa đông. |
| C. Hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã. | D. Tạo nên mùa đông có 2 – 3 tháng lạnh ở miền Bắc. |

**Câu 22:**Nơi trong năm có hai mùa khô và mưa rất rõ rệt là

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. miền Bắc.  | B. miền Nam. | C.miền Trung. | D. Trung Trung Bộ. |

**Câu 23:** Nơi có sự đối lập nhau rõ rệt về hai mùa mưa và khô là

|  |  |
| --- | --- |
| A. miền Bắc và miền Nam. | B. Nam Bộ và Tây Nguyên. |
| C. miền Nam và miền Trung. | D. duyên hải miền Trung và Tây Nguyên. |

**Câu 24:** Nguyên nhân gây mưa lớn cho Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của

|  |  |
| --- | --- |
| A. bão và áp thấp nhiệt đới. | B. khối khí Bắc Ấn Độ Dương. |
| C. khối khí cận chí tuyến bán cầu Nam. | D. dải hội tụ nhiệt đới. |

**Câu 25:** Miền Bắc có

A. mùa đông lạnh, ít mưa và mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều.

B. mùa khô và mùa mưa rất rõ rệt.

C. sự đối lập về mùa mưa và mùa khô giữa các khu khí hậu.

D. mùa đông lạnh, mưa nhiều và mùa hạ khô nóng.

**Câu 30:** Điểm nào sau đây **không** đúng với gió mùa Đông Bắc ở nước ta?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Thổi từ tháng XI đến tháng IV. | B. Gây nên mùa đông lạnh trong cả nước. |
| C. Gây mưa phùn vào nửa cuối mùa đông. | D. Gây mưa lớn khi gặp dãy Trường Sơn Bắc. |

**Câu 31:** Nhiệt độ trung bình tháng của nước ta

|  |  |
| --- | --- |
| A. tăng dần từ bắc vào nam. | B. giảm dần từ bắc vào nam. |
| C. không khác nhau giữa bắc và nam. | D. tương tự nhau giữa bắc và nam. |

**Câu 32:** Biên độ nhiệt năm của nước ta

|  |  |
| --- | --- |
| A. tăng dần từ bắc vào nam. | B. giảm dần từ bắc vào nam. |
| C. không khác nhau giữa bắc và nam. | D. tương tự nhau giữa bắc và nam. |

**Câu 33:** Nhiệt độ trung bình tháng I ở nước ta

|  |  |
| --- | --- |
| A. tăng dần từ bắc vào nam. | B. giảm dần từ bắc vào nam. |
| C. không khác nhau giữa bắc và nam. | D. tương tự nhau giữa bắc và nam. |

**Câu 34:** Lượng mưa ở Huế cao hơn ở Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh do ở Huế chịu tác động mạnh của các nhân tố

A. bão, áp thấp nhiệt đới; gió mùa Đông Bắc, dải hội tụ nhiệt đới.

B. bão, áp thấp nhiệt đới; gió tây nam, dải hội tụ nhiệt đới.

C. bão, áp thấp nhiệt đới; Tín phong bán cầu Bắc, gió tây nam.

D. bão, áp thấp nhiệt đới; gió mùa Đông Bắc, gió tây nam.

**Câu 35:** TP. Hồ Chí Minh có lượng mưa lớn hơn Hà Nội do

A. gió mùa Tây Nam tác động mạnh và sớm hơn ở Hà Nội.

B. gió tây nam không gây được hiện tượng phơn như ở Hà Nội.

C. gió mùa Tây Nam và gió tây nam đều gây mưa lớn.

D. gió mùa Tây Nam hoạt động với thời gian dài hơn ở Hà Nội.

 **HẾT**